

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT

Ngày 26 - 11 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tấn

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1997; Đăng ký thường trú: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Ấp An, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Trần Thanh X, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lý Thị Nh, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt)

3.2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà Ngô Kim H, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú: Ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu..

3.5. Ông Lý Văn C, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.7. Ông Trần Hải D, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

3.8. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 406/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 19/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh N trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh N và anh Trần Thanh X tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào cuối năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 21/01/2019. Khoảng hơn 04 tháng nay, anh X ghen tuông vô cớ, vợ chồng xảy ra cự cãi, anh X còn cự cãi, xô xát với cha, chú của Chị N nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 tháng nay, không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Chị N yêu cầu được ly hôn với anh X.

+ Về con chung, Chị N và anh X chung sống có 03 người con chung gồm:

1. Cháu Trần Thanh S, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2019;

2. Cháu Trần Thanh H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2022;

3. Cháu Trần Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2023.

Hiện tại các cháu đều đang chung sống với Chị N tại Ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi ly hôn, Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 03 cháu Trần Thanh S, Trần Thanh H, Trần Nguyễn Thanh N. Chị N yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, Chị N và anh X có tạo lập được một số tài sản chung, cụ thể:

Một số loại máy móc, trang thiết bị như sau:

- Một máy trộn bánh hiệu Kiến An (còn gọi là máy đánh bột), có giá khi mua là 23.000.000 đồng;

- Một máy chia bánh hiệu Kiến An (Máy chia điện) có giá khi mua là 22.000.000 đồng;

- 01 lò nướng hiệu Kiến An (Lò điện) có giá khi mua là 120.000.000 đồng, cả ba máy được vợ chồng mua vào tháng 8/2023;

- 01 lò quay vịt; 02 tủ bánh mì được mua vào tháng 8/2023 với tổng giá 18.000.000 đồng;

- 01 tủ lạnh có giá khi mua vào năm 2023 là 14.000.000 đồng;
- 01 máy lạnh có giá khi mua vào năm 2023 là 6.000.000 đồng;
- Tiền thuê mặt bằng là 24.000.000 đồng;
- Tiền để anh X đi học nghề làm bánh là 33.000.000 đồng.

Nguồn tiền để mở lò bánh mì, thuê mặt bằng và anh X học nghề là từ tiền bán vàng cưới và vàng tiết kiệm của hai vợ chồng là 02 lượng vàng 24k, bán được khoảng 110.000.000 đồng, tiền tiết kiệm của hai vợ chồng khoảng 60 – 70 triệu đồng; mượn của cha mẹ ruột 05 chỉ vàng 24k, 35.000.000 đồng, đã trả được 25.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng. Cha mẹ chồng là bà Lý Thị Nh, ông Trần Văn Đ có cho anh chị 08 chỉ vàng 24k, số tiền 10.000.000 đồng để làm vốn, khi cho bà Nh nói sau này có dư thì trả lại cho bà Nh 01 chỉ vàng 24k để thủ thân.

Khi ly hôn, Chị N yêu cầu được chia đôi tài sản chung, chị nhận 50% giá trị tài sản, giao tài sản cho anh X quản lý, sử dụng.

+ Đối với nợ chung: Chị N xác định chị và anh X chỉ có 01 khoản nợ chung là 05 chỉ vàng 24k và số tiền 10.000.000 đồng của cha mẹ ruột chị là ông Hùng, bà Hằng, yêu cầu anh X có nghĩa vụ thanh toán 50% khoản nợ.

Vợ chồng chị có tham gia chơi hụi của chị Nguyễn Thanh T, anh X đã hốt hụi được hơn 20 triệu, anh X chuyển cho mẹ chồng 10.000.000 đồng để tiêu xài, còn lại hơn 10 triệu để vợ chồng tiêu xài và trả tiền mua máy lạnh do mua trả góp. Từ khi ly thân đến nay anh X là người đóng tiền hụi chết, hiện nay còn nợ tiền hụi chết hay không thì chị không biết.

Đối với số vàng cha mẹ chồng cho, Chị N không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán vì đây là vàng, tiền bà Nh cho vợ chồng chị làm vốn, không phải cho mượn. Chị N xác định không có vay tiền của vợ chồng ông Lý Văn C.

- *Bị đơn anh Trần Thanh X trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh X thống nhất với Chị N về thời gian kết hôn và sống ly thân, không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Chị N yêu cầu được ly hôn thì anh X cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: anh X thống nhất vợ chồng chung sống có 03 người con chung như chị N trình bày, hiện nay các cháu đều đang chung sống với Chị N, anh X đồng ý giao cháu Trần Nguyễn Thanh N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng đối với Chị N và cũng không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của Chị N. Trường hợp giao cả 03 cháu S, H và N

cho Chị N nuôi dưỡng thì anh X đồng ý mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh X cho rằng anh và Chị N có tạo lập được một số tài sản chung, cụ thể:

- Một máy trộn bánh hiệu Kiến An (còn gọi là máy đánh bột), có giá khi mua là 23.000.000 đồng; một máy chia bánh hiệu Kiến An (Máy chia điện) có

giá khi mua là 22.000.000 đồng; 01 lò nướng hiệu Kiến An (Lò điện) có giá khi mua là 120.000.000 đồng, cả ba máy được vợ chồng chị mua vào tháng 8/2023 với tổng giá trị là 165.000.000 đồng;

- 01 lò quay vịt; 02 tủ bánh mì được mua vào tháng 8/2023 với tổng giá 18.000.000 đồng;

- 01 tủ lạnh có giá khi mua vào năm 2023 là 14.000.000 đồng;

- 01 máy lạnh có giá khi mua vào năm 2023 là 6.000.000 đồng;

Các tài sản nêu trên hiện anh đang quản lý và sử dụng.

Khi ly hôn, anh X yêu cầu chia đôi tài sản chung và chia bằng hiện vật. Do từ trước đến nay anh là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản để kinh doanh lò bánh mì, quay heo nhưng hiện nay anh có nhiều khoản nợ, không có khả năng hoàn giá trị tài sản chung cho Chị N nên yêu cầu chia bằng hiện vật.

+ Về nợ chung anh X xác định có các khoản nợ cụ thể:

- Nợ bà Lý Thị Nh, ông Trần Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k. Vợ chồng anh là người trực tiếp nhận tài sản từ bà Nh, khi nhận không có làm biên nhận, cũng không có ai khác chứng kiến ngoài vợ chồng anh và bà Nh.

- Nợ mẹ ruột của chị Nguyễn Thanh N là bà Ngô Kim H, ông Nguyễn Văn H 05 chỉ vàng 24K và số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền, vàng đã mượn của cha mẹ vợ cũng phục vụ vào việc mua trang thiết bị, nguyên liệu làm bánh.

- Nợ ông Lý Văn C, Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 100.000.000 đồng. Vợ chồng anh trực tiếp đến nhà ông C để nhận tiền mặt là 100.000.000 đồng, khi nhận tiền cũng không có làm biên nhận, cũng không có ai khác chứng kiến ngoài vợ chồng của ông C và vợ chồng anh. Với số tiền vay này, vợ chồng anh có nghĩa vụ đóng lãi theo lãi suất ngân hàng phát sinh tại ngân hàng, thời hạn đóng lãi là 06 tháng/lần và anh cũng đã chuyển tiền vào tài khoản của Lý Văn Sang số tiền 5.700.000 đồng, nhờ anh Sang đưa cho ông C để ông C đóng lãi cho ngân hàng vào ngày 28/3/2024. Hiện tại vợ chồng anh vẫn chưa trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng cho ông C, bà T. Số tiền vay này vợ chồng anh sử dụng vào việc mua lò điện, các nguyên vật liệu và cả chi phí sinh hoạt của gia đình do thời điểm này mới vừa bắt đầu mua bán nên tiêu tốn rất nhiều tiền.

Ngoài các khoản nợ trên, vợ chồng anh còn nghĩa vụ đóng hụi chết cho chủ hụi tên Nguyễn Thanh T. Mặc dù các phần hụi này vợ chồng anh đã hót nhưng do nghĩa vụ đóng hụi chết chưa phát sinh hết. Từ khi Chị N bỏ đi, anh vẫn là người đóng tiền hụi chết cho chị T và hiện nay hụi đã mãn, anh đã thanh toán hết nợ cho chị T.

Nay anh yêu cầu chia đôi toàn bộ nợ chung với chị Nguyễn Thanh N khi ly hôn. Riêng đối với tiền nợ hụi của chị T anh không yêu cầu Chị N cùng có nghĩa vụ thanh toán. Đối với số tiền Chị N đem theo khi bỏ đi là 30.000.000 đồng, anh không có gì để chứng minh cũng không ai chứng kiến nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T trình bày:

Trong tháng 9 năm 2023, không nhớ ngày, anh X có điện thoại cho ông C nhờ vay ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là mở lò bánh mì mà thiếu tiền. Ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T- PGD P. Ông nhận tiền tại ngân hàng vào ngày 21/9/2023. Sau khi vay được tiền ông có điện thoại cho anh X về lấy tiền. Khi về lấy tiền là cả vợ chồng anh X, Chị N cùng về nhà ông lấy tiền. Bên giao tiền là vợ chồng ông, bên nhận tiền là vợ chồng X, ông C là người trực tiếp giao tiền cho Chị N. Việc giao tiền không làm giấy tờ vì là cậu cháu trong nhà. Thỏa thuận lãi suất ngân hàng như thế nào thì Chị N, anh X có trách nhiệm thanh toán tiền lãi như vậy cho ông vì ông vay dùm, thỏa thuận 06 tháng thanh toán lãi 01 lần, thời hạn vay là 12 tháng phải thanh toán tiền vốn. X đã thanh toán được 06 tháng tiền lãi (X chuyển vào tài khoản của cháu ông là Lý Văn S) sau đó S rút tiền ra đưa cho ông. Đến tháng 9 năm 2024 là đến hạn thanh toán tiền vốn và 06 tháng tiền lãi. Hiện tại vợ chồng Chị N, anh X vẫn chưa trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Nay vợ chồng Chị N, anh X ly hôn, vợ chồng ông yêu cầu Chị N, anh X phải thanh toán số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng. Đến ngày 21/9/2024 là đến hạn thanh toán tiền lãi 06 tháng nhưng ông và anh X tự thỏa thuận thanh toán tiền lãi, không yêu cầu Chị N cùng thanh toán phần tiền nợ lãi còn lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H trình bày:

Vào đầu tháng 08 năm 2023, do có nhu cầu mở cửa hàng kinh doanh bánh mì, thịt heo quay tại ấp S, xã H, huyện V nên khi nghe Chị N và anh X hỏi mượn tiền làm vốn thì ông bà đồng ý và đã đưa cho Chị N và anh X mượn 35.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k để làm vốn mở tiệm. Sau đó, Chị N và anh X đã trả cho ông bà được 25.000.000 đồng. Nay, Chị N và anh X ly hôn, ông bà yêu cầu anh X phải có trách nhiệm trả cho ông bà 50% khoản nợ vay. Cụ thể: 2,5 chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này. Riêng Chị N là con ruột của ông bà nên ông bà không yêu cầu Chị N trả khoản tiền, vàng nợ cho ông bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Nh trình bày:

Vào tháng 8 năm 2023, vợ chồng Chị N, anh X có mở lò bánh mì tại ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do thiếu tiền nên anh X có hỏi mượn tiền, vàng của ông bà để mua máy móc mở lò bánh mì, quay heo. Cũng trong tháng 8 năm 2023, bà giao 05 chỉ vàng 24k cho Chị N; sau đó vài ngày bà giao 03 chỉ vàng 24K cho anh X; thêm vài ngày sau, bà tiếp tục giao 10.000.000 đồng cho anh X tại nhà bà. Việc bà giao tiền, vàng cho vợ chồng anh X, Chị N đều không có làm giấy tờ vì là mẹ con trong nhà không nghĩ sẽ đến ngày con cái mâu thuẫn, ly hôn. Bà xác định số vàng, tiền bà đưa cho vợ chồng Chị N, anh X là bà cho mượn. Khi đưa tiền, vàng bà không thỏa thuận thời gian thanh toán, khi nào con

có thì trả. Nay vợ chồng N, X ly hôn, bà không có ý kiến gì. Riêng đối với số vàng, tiền bà cho vợ chồng N, X mượn, bà yêu cầu vợ chồng N, X trả lại cho bà là 08 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

Vào tháng 05 năm 2022 dương lịch, bà có làm chủ hội, vợ chồng Chị N, anh X có tham gia 01 chân hội tháng trị giá 1.000.000 đồng, đây hội có 28 phần hội, vợ chồng Chị N, anh X tham gia 02 phần. Đã hốt hết 02 phần hội. Nay vợ chồng Chị N, anh X ly hôn, bà không có ý kiến gì. Đối với số tiền hội chết anh X đã thanh toán hết. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh N và anh Trần Thanh X. Xử cho chị Nguyễn Thanh N ly hôn với anh Trần Thanh X.

2. Về con chung: Giao các cháu:

1. Cháu Trần Thanh S, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2019;
2. Cháu Trần Thanh H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2022;
3. Cháu Trần Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2023.

Cho chị Nguyễn Thanh N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Thanh S, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2019; Trần Thanh H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2022; Trần Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2023, mỗi tháng 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 06/9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thanh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thanh N.

Chia cho chị Nguyễn Thanh N 1/2 giá trị tài sản gồm: 01 máy đánh bột 10kg + 2 cang sắt; 01 máy chia bột + 2 mâm inox; lò điện 12 mâm; 01 tủ trung bày; 01 lò quay inox; 01 xe bán bánh mì; 01 máy lạnh Qqua Inverter 1 HP AQA-RV9QA; 01 tủ lạnh LG Inverter 519 lít Side By Side GR-B256JDS tương đương số tiền 68.391.000 đồng.

Giao cho anh Trần Thanh X được toàn quyền quản lý, sử dụng 01 máy đánh bột 10kg + 2 cang sắt; 01 máy chia bột + 2 mâm inox; lò điện 12 mâm; 01 tủ trung bày; 01 lò quay inox; 01 xe bán bánh mì; 01 máy lạnh Qqua Inverter 1 HP AQA-RV9QA; 01 tủ lạnh LG Inverter 519 lít Side By Side GR-B256JDS. Tất cả tài sản trên anh X đang quản lý, sử dụng.

Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 giá trị tài sản tương đương số tiền 68.391.000 (Sáu mươi tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn) đồng cho chị Nguyễn Thanh N.

4. Về nợ chung:

4.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H số tiền 24.525.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh số tiền 36.240.000 đồng; buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh số tiền 36.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 50.000.000 đồng; buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.4 Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T đối với anh Trần Thanh X, chị Nguyễn Thanh N đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 19/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 406/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 19/9/2024, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 63/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí hôn nhân không có giá ngạch và án phí có giá ngạch và một số sai sót về địa chỉ, tên của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện V, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 63/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Trần Thanh X, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: anh X đang sinh sống tại Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa*: Đối với nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Đối với tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[5] *Về nội dung*: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát huyện V:

[5.1] Đối với án phí dân sự không có giá ngạch: Xét thấy, chị Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Thanh X, trước khi mở phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai của anh X ngày 27/6/2024 (BL 35-38), biên bản hòa giải ngày 19/8/2024 (BL 139-143) anh X thống nhất đồng ý ly hôn với Chị N, việc thống nhất thỏa thuận ly hôn của Chị N và anh X là hoàn toàn tự nguyện, cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của Chị N và anh X là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: “ *Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25 % mức án phí quy định)...*”. Do đó, Chị N và anh X mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm buộc Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân là chưa đúng, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm về án phí hôn nhân, buộc Chị N và anh X mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về quan hệ hôn nhân.

[5.2] Đối với án phí có giá ngạch:

Đối với các khoản nợ chung, cấp sơ thẩm nhận định có căn cứ chấp nhận các khoản nợ và buộc Chị N, anh X có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H, ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh, ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị

Huỳnh T là đúng quy định pháp luật, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không xem xét số tiền các đương sự phải trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “*Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung, chia di sản thừa kế mà cần xem xét việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản với bên thứ ba từ tài sản chung, di sản thừa kế đó thì: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba...*”. Cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch buộc Chị N và anh X phải chịu trên tổng số tài sản được chia mà không trừ đi số tiền anh chị phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba là thiệt thòi quyền lợi của đương sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về việc sửa án phí có giá ngạch. Tiền án phí có giá ngạch được tính lại theo đúng quy định pháp luật cụ thể như sau:

[5.2.1] Chị N được chia tài sản có giá trị 68.391.000 đồng, nghĩa vụ Chị N phải thực hiện với bên thứ 3 là ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh, ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T tổng cộng là 86.240.000 đồng (36.240.000 đồng + 50.000.000 đồng) lớn hơn giá trị tài sản chung được chia nên Chị N chỉ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện với người thứ 3 là 86.240.000 đồng, thành tiền là 4.312.000 đồng. Như vậy, tiền án phí hôn nhân và án phí có giá ngạch Chị N có nghĩa vụ phải nộp tổng cộng là 4.387.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 2.837.500 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004094 ngày 31/5/2024 được chuyển thu án phí toàn bộ. Chị N còn phải nộp tiếp số tiền 1.549.500 đồng.

[5.2.2] Anh X được chia tài sản có giá trị 68.391.000 đồng, nghĩa vụ anh X phải thực hiện với bên thứ 3 là ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H, ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh, ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T tổng cộng là 110.765.000 đồng (24.525.000 đồng + 36.240.000 đồng + 50.000.000 đồng) lớn hơn giá trị tài sản chung được chia nên anh X chỉ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện với người thứ 3 là 110.765.000 đồng, thành tiền là 5.538.250 đồng.

[5.3] Án phí phúc thẩm: Do các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị được chấp nhận nên cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, sửa sơ thẩm theo các nội dung kháng nghị là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 104, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 262, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 33, 38, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh N và anh Trần Thanh X.

2. Về con chung: Giao các cháu:

1. Cháu Trần Thanh S, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2019;

2. Cháu Trần Thanh H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2022;

3. Cháu Trần Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2023.

Cho chị Nguyễn Thanh N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Thanh S, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2019; Trần Thanh H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2022; Trần Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2023, mỗi tháng 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 06/9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thanh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thanh N.

Chia cho chị Nguyễn Thanh N 1/2 giá trị tài sản gồm: 01 máy đánh bột 10kg + 2 cào sắt; 01 máy chia bột + 2 mâm inox; lò điện 12 mâm; 01 tủ trưng bày; 01 lò quay inox; 01 xe bán bánh mì; 01 máy lạnh Qqua Inverter 1 HP

AQA-RV9QA; 01 tủ lạnh LG Inverter 519 lít Side By Side GR-B256JDS tương đương số tiền 68.391.000 đồng.

Giao cho anh Trần Thanh X được toàn quyền quản lý, sử dụng 01 máy đánh bột 10kg + 2 cang sắt; 01 máy chia bột + 2 mâm inox; lò điện 12 mâm; 01 tủ trung bày; 01 lò quay inox; 01 xe bán bánh mì; 01 máy lạnh Qqua Inverter 1 HP AQA-RV9QA; 01 tủ lạnh LG Inverter 519 lít Side By Side GR-B256JDS. Tất cả tài sản trên anh X đang quản lý, sử dụng.

Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 giá trị tài sản tương đương số tiền 68.391.000 (Sáu mươi tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn) đồng cho chị Nguyễn Thanh N.

4. Về nợ chung:

4.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H số tiền 24.525.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh số tiền 36.240.000 đồng; buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh số tiền 36.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T. Buộc anh Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 50.000.000 đồng; buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

4.4. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T đối với anh Trần Thanh X, chị Nguyễn Thanh N đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Chi phí tố tụng: Chị N và anh X phải chịu chi phí định giá tài sản là 11.000.000 đồng. Chị N phải chịu 5.500.000 đồng, anh X phải chịu 5.500.000 đồng. Chị N đã nộp 11.000.000 đồng và đã chi phí hết. Buộc anh X nộp 5.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V để hoàn trả cho Chị N.

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

- Án phí hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh N và anh Trần Thanh X mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Thanh X phải chịu 300.000 đồng.

8.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Thanh N phải chịu 4.312.000 đồng.

- Anh Trần Thanh X phải chịu 5.538.250 đồng.

Chị N đã nộp tạm ứng án phí 2.837.500 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004094 ngày 31/5/2024 được chuyển thu án phí toàn bộ. Chị N còn phải nộp tiếp số tiền 1.549.500 đồng.

8.3. Ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Kim H đã nộp tạm ứng án phí 507.800 (Năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004192 ngày 30/7/2024 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8.4. Ông Trần Văn Đ, bà Lý Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí 2.164.000 (Hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004193 ngày 30/7/2024 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8.5. Ông Lý Văn C, bà Nguyễn Thị Huỳnh T đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004194 ngày 30/7/2024 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8.6. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

9. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt